

Bản án số: 103/2020/DSST  
Ngày: 30/9//2020  
V/v: Tranh chấp chia thừa kế.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN-THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Đông
2. Bà Trần Thị Lâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 và 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, Thành phố Hà Nội- Tòa án nhân dân quận Long Biên, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2020/TLST-DS ngày 19/01/2020 về việc “ Tranh chấp chia thừa kế”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 9 năm 2020 giữa:

*Nguyên đơn:* Ông Hoàng Ngọc T sinh năm 1973

Trú tại: Số 20/135, tổ 23, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hoàng Ngọc T: Ông Đặng Văn C luật sư Văn phòng luật sư Chính Pháp thuộc Đoàn luật sư TP Hà Nội

*Bị đơn:* 1. Ông Hoàng Ngọc K sinh năm 1964

Trú tại: Tổ 24, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

2. Bà Hoàng Thị Thu Hu sinh năm 1966

Trú tại: Tổ 20, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

3. Bà Hoàng Thị Thu H sinh năm 1968.

Trú tại: Tổ 23, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

4. Bà Hoàng Thị Thu Ho sinh năm 1968.

Trú tại: Tổ 23, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Ph sinh năm 1976
2. Anh Hoàng Tấn Du sinh năm 1997
3. Chị Vũ Thị Thanh Hà sinh năm 1997
4. Cháu Hoàng Thanh Tr sinh năm 2019
5. Anh Hoàng Tuấn D sinh năm 2001

Cháu Tr do anh Du đại diện.

Cùng trú tại: Số 20/135, tổ 23, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

Ông T, bà Ph, ông K, bà Hu, bà Hà, bà Ho, anh Du, anh D và luật sư có mặt. Vắng mặt chị H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện lập ngày 11/01/2018 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn và đại diện nguyên đơn ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị Ph trình bày: Bố chồng tôi là ông Hoàng Ngọc Á chết năm 1976; mẹ chồng tôi là Ngô Thị To chết năm 2009. Bố mẹ chồng tôi sinh được 05 người con gồm: Ông Nguyễn Ngọc K - sinh năm 1964. Trú tại: Số nhà 22/13, tổ 23, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội; bà Hoàng Thị Thu Hu sinh năm 1966. Trú tại: Số nhà 14 ngõ 572, tổ 20 phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội; bà Hoàng Thị Thu H sinh năm 1968, Trú tại: Số nhà 20/13, tổ 23, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội; bà Hoàng Thị Thu Ho sinh năm 1971. Trú tại: Số 2 ngõ 149, tổ 23 phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội và Hoàng Ngọc T sinh năm 1973 hiện trú tại: Số nhà 22/13, tổ 23, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. Ngoài 05 người con nêu trên bố mẹ chúng tôi không ai có con nuôi hay con riêng.

Việc chồng tôi trước khi lấy mẹ chồng tôi có con riêng hay không tôi không biết và tôi cũng không nghe ai nói là bố chồng tôi có con riêng.

Cuối năm 1996 tôi xây dựng gia đình với anh T. Khi lấy về nhà có bà ngoại chồng là Nguyễn Thị Hợi, mẹ chồng bà Ngô Thị To, chị chồng là Hoàng Thị Thu H và con chị H là Hoàng Mạnh Hu đang ở cùng. Thời gian đầu tất cả ăn chung ở chung tại nhà trần 3 gian, 01 gian bếp; 01 chuồng lợn và một số công trình khác trên diện tích đất là 192m<sup>2</sup>. Được khoảng 6-7 tháng thì mẹ con chị H ra ăn riêng, vợ chồng tôi ăn với mẹ chồng và bà ngoại chồng. Đến năm 2003 khi có tiền bồi thường do lấy đất ruộng thì mẹ chồng tôi cắt 50m<sup>2</sup> đất cho mẹ con chị H xây nhà ở riêng và do xích mích nên vợ chồng tôi cũng ăn riêng từ đó nhưng vẫn ở chung. Bà ngoại chồng tôi mất năm 2004 thì mẹ chồng tôi vẫn ăn một đến năm 2009 thì mẹ chồng tôi mất. Quá trình quản lý sử dụng do lộn lộn nên năm 2010 vợ chồng tôi đã phá To bộ bếp, công trình phụ để xây dựng nhà vệ sinh, lán để làm may giáp đường như hiện nay. Vợ chồng tôi quản lý sử dụng đến năm 2017 ông K ly hôn vợ, do không có chỗ ở nên quay về bảo vợ chồng tôi cho ở nhờ tại lán may của tôi ở từ đó cho đến nay.

Việc mẹ chồng tôi lập di chúc thời gian nào tôi không biết, chỉ biết sau khi lập di chúc xong thì mẹ tôi có đưa cho tôi một bản hỏi tôi xem có ý kiến gì không. Tôi không nói gì vì đó là nhà đất của mẹ tôi, mẹ tôi có quyền định đoạt. Mẹ tôi có nói chồng tôi không biết chữ lại mãi chơi nên mẹ tôi phải lập di chúc lại. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tôi cũng không rõ mãi sau này tôi mới biết đất đã được cấp giấy chứng nhận và vợ chồng tôi là người lấn thủ tục nhận giấy chứng nhận về. Vợ chồng tôi lấy giấy chứng nhận sau khi mẹ tôi mất.

Hiện nay trên phần nhà đất của mẹ chồng tôi để lại gồm có vợ chồng tôi; con trai là Hoàng Tân Du sinh năm 1997 vợ là Vũ Thị Thanh Hà sinh năm 1997 cháu gái: Hoàng Thanh Tr sinh năm 2019 và con trai Hoàng Tuấn Du sinh năm 2001, ông Hoàng Ngọc K đang sinh sống ngoài ra không còn ai khác.

Nay xảy ra tranh chấp, tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo nguyện vọng của mẹ chồng tôi cụ thể là theo di chúc của mẹ chồng tôi lập ngày 06/9/2006.

Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn: Ông K, bà Hu, bà H và bà Ho trình bày: Chúng tôi vẫn giữ nguyên lời trình bày của chúng tôi tại bản tự khai ngày 20 tháng 01 năm 2020 mà chúng tôi đã nộp cho Tòa án. Bố chúng tôi là ông Hoàng Ngọc Á chết năm 1976; mẹ chúng tôi là Ngô Thị To chết năm 2009. Bố mẹ chúng tôi sinh được 05 người con gồm: Ông Nguyễn Ngọc K - sinh năm 1964. Trú tại: Số nhà 22/13, tổ 23, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội; bà Hoàng Thị Thu Hu sinh năm 1966. Trú tại: Số nhà 14 ngõ 572, tổ 20 phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội; bà Hoàng Thị Thu H sinh năm 1968, Trú tại: Số nhà 20/13, tổ 23, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội; bà Hoàng Thị Thu Ho sinh năm 1971. Trú tại: Số 2 ngõ 149, tổ 23 phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội và Hoàng Ngọc T sinh năm 1973 hiện trú tại: Số nhà 22/13, tổ 23, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. Ngoài 05 người con nêu trên bố mẹ chúng tôi không ai có con nuôi. Bố tôi trước khi lấy mẹ tôi đã có hai người con riêng là Hoàng Thị Qu và Hoàng Văn H. Hiện nay cả hai người con này đều đang ở huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Chúng tôi chỉ biết như vậy vì từ trước hai con riêng này không về đây bào giờ do vậy chúng tôi không rõ năm sinh và địa chỉ cụ thể.

Tài sản của bố mẹ tôi để lại gồm có 01 nhà trần -3 gian, 01 gian bếp; 01 chuồng lợn và một số công trình khác trên diện tích đất là 192m<sup>2</sup>. Chúng tôi sinh ra và lớn lên tại đó. Năm 1976 bố chúng tôi mất mẹ tôi ở vậy nuôi các con. Ông K, bà Hu và bà Ho lớn lên lần lượt đi xây dựng gia đình nhà chỉ còn bà ngoại, mẹ chúng tôi, bà H và vợ chồng ông T. Tại thời điểm đó tất cả đều ăn chung ở chung. Đến năm 2003 thì có tiền ruộng mẹ tôi cho bà H khoảng 50m<sup>2</sup> đất và làm nhà cho bà H ra ở riêng, vợ chồng ông T cũng ăn riêng, bà ngoại và mẹ tôi ăn với nhau nhưng vẫn ở chung chỉ có bà H ở riêng. Năm 2004 nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phần đất của bà H được mẹ chúng tôi chia cho được cấp đất mang tên bà H phần đất còn lại được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hộ gia đình bà Ngô Thị To. Cũng trong năm đó bà ngoại chúng tôi mất, mẹ tôi ăn một mình đến năm 2009 thì mẹ tôi mất, từ đó nhà đất của mẹ tôi vợ chồng ông T quản lý sử dụng. Quá trình quản lý sử dụng vợ chồng ông T có phá To bộ bếp chuồng lợn để xây dựng các công trình như hiện nay. Vợ chồng ông T không tôn tạo gì thêm vào khối tài sản của bố mẹ tôi ngoài các công trình xây dựng mới để phục vụ cho cuộc sống sinh hoạt của họ. Cuối năm 2016 đầu năm 2017 ông K ly hôn vợ về ở một phần đất khoảng gần 50m<sup>2</sup> đất.

Chúng tôi xác định di sản của bố mẹ chúng tôi để lại hiện chỉ có 01 nhà mái bằng trên diện tích đất là 142m<sup>2</sup> đất hiện vợ chồng ông T và ông K đang quản lý sử dụng.

Việc lập di chúc của mẹ chúng tôi, chúng tôi không biết.

Nay xảy ra tranh chấp, nguyện vọng của gia đình là nếu mẹ tôi để lại di chúc thì chúng tôi thống nhất theo nguyện vọng của mẹ là chia di sản thừa kế của mẹ tôi di chúc. Cụ thể chúng tôi đồng ý để ông T quản lý sử dụng hơn 90m<sup>2</sup> đất phần còn lại là 50m<sup>2</sup> để là nhà thờ chung của cả 5 anh em.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Tấn Du, anh Hoàng Tuấn Du và chị Vũ Thị Thanh H đều thống nhất trình bày: Không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản đang tranh chấp. Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Ông T và bà Ph trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị: Chia di sản của cụ To theo di chúc. Nếu không được thì đề nghị tính công sức duy trì tôn tạo, chia thừa kế thêm phần đất bà H đang quản lý và phần đất ông K đã bán. Nếu chia thừa kế theo di chúc thì không yêu cầu tính công sức tôn tạo, công duy trì. Phần đất thờ cúng đề nghị giao cho ông T quản lý.

Ông K, bà H, bà Hu và bà Ho trình bày: Nguyên vọng của chúng tôi là vẫn chia theo di chúc của mẹ để lại. Phần sử dụng chung giao cho ông K quản lý vì ông K là trưởng lại không có chỗ ở nào khác. Không đồng ý giao cho ông T vì nếu giao cho ông T thì ông T sẽ không cho chúng tôi vào thờ cúng. Nếu ông T không đồng ý giao phần đất thờ cúng cho ông K thì đề nghị chia thừa kế theo pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn: Sau khi phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của các đương sự: Xác định 142,5m<sup>2</sup> là tài sản riêng của cụ To. Đề nghị chia di sản của cụ To theo di chúc. Cụ thể: Ông T được quyền sử dụng 92m<sup>2</sup> đất. Ông K, bà H, bà Ho, bà Hu và ông T được quyền sử dụng chung 50m<sup>2</sup> đất. Giao phần đất sử dụng chung cho ông T quản lý vì ông T là người đang quản lý. Đất làm nhà thờ nên không phải là chỗ để ở. Đối với yêu cầu chia thừa kế theo luật của ông K, bà H, bà Ho và bà Hu và yêu cầu chia thừa kế vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của ông T đều là những yêu cầu cầu sau khi tòa án mở phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên không được chấp nhận.

Tại phiên tòa đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi Tòa thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành và thực hiện tốt các quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật còn bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành không tốt các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa xác định: 142,5m<sup>2</sup> là tài sản chung của cụ Á và cụ To. Cụ Á mất không để lại di chúc. Cụ To mất có để lại di chúc. Do cụ To định đoạt cả phần tài sản của cụ Á nên di chúc vô hiệu do vậy di sản của cụ Á và cụ To được chia theo luật là Quyền sử dụng thừa đất số 127-1, tờ bản đồ số 02, diện tích 144,1m<sup>2</sup> thuộc tổ 23 Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội. Năm 1976 cụ Á chết, như vậy di sản cụ Á để lại là 72,05m<sup>2</sup> đất, hàng thừa kế của cụ Á gồm cụ To và 05 người con, mỗi người được hưởng một phần di sản là: 12m<sup>2</sup>. Năm 2009 cụ To chết, hàng thừa kế của cụ To gồm 05 người con, khối di sản của cụ To để lại là: 84.05m<sup>2</sup> đất, tuy nhiên do ông T sống trên đất có công tôn tạo và duy trì, do đó cần xem xét chia thêm cho ông T 01 kỷ phần của cụ To, như vậy di sản của cụ To để lại sẽ được chia thành 06 phần, mỗi người con được nhận 01 phần, riêng ông T được nhận 02 phần, cụ thể:  $84.05m^2 / 6 = 14m^2$ . Hội đồng định giá xác định 01 ngôi nhà xây dựng năm 1990 - 1991 có diện tích

$38,9m^2 \times 2.525.000đ/m^2 \times 10\% = 9.822.250$  đồng. Giá trị ngôi nhà trên cũng được chia thành 06 phần, mỗi thừa kế được nhận 01 phần, riêng ông T được nhận 02 phần, cụ thể:  $9.822.250/6 = 1.637.041$  đồng.

Như vậy mỗi người thừa kế được nhận di sản thừa kế là: Ông Hoàng Ngọc K, Hoàng Thị Thu Hu, Hoàng Thị Thu H, Hoàng Thị Thu Ho mỗi người được hưởng 26m<sup>2</sup> đất và 1.637.041 đồng. Ông T được hưởng: 40m<sup>2</sup> đất + 3.274.082 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của các bà Hoàng Thị Thu Hu, Hoàng Thị Thu H, Hoàng Thị Thu Ho tặng lại kỷ phần được thừa kế của bố mẹ cho ông Hoàng Ngọc K.

Như vậy ông Hoàng Ngọc K được quyền sử dụng và quản lý 104m<sup>2</sup> đất và 6.548.164 đồng, ông Hoàng Ngọc T được quản lý và sử dụng 40m<sup>2</sup> đất và 3.274.082 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

\* Về tố tụng: Ông Hoàng Ngọc T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo di chúc ông K, bà Ho, bà H và bà Hu đề nghị chia thừa kế theo luật. Di sản thừa kế tại phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. Do vậy xác định quan hệ pháp luật là: Tranh chấp về thừa kế di sản. Căn cứ vào khoản 5, điều 26, điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật.

Ông Hoàng Ngọc T là người khởi kiện và ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Ph. Do vậy ông T là nguyên đơn bà Ph là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

Ông Hoàng Ngọc K, bà Hoàng Thị Thu Hu, bà Hoàng Thị Thu H và bà Hoàng Thị Thu Ho là những người bị ông K kiện do vậy họ là bị đơn.

Những người đang ở trên nhà đất tranh chấp là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Chị Vũ Thị Thanh H: có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị H.

\* Về nội dung: Các đương sự đều xác nhận nguồn gốc di sản thừa kế là của bố mẹ cụ To để lại cho cụ To: Nhà và các công trình xây dựng trên diện tích đất là 192m<sup>2</sup>. Năm 2003, cụ To đã cắt cho bà H khoảng 50m<sup>2</sup>. Năm 2004, bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phần đất còn lại được cấp tên hộ gia đình ông ( bà) Ngô Thị To với diện tích đất là 142,5m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 127(1) tờ bản đồ số 2 tại Tổ 23 phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 253667 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 309/QSDD/QDD1845 ngày 2/12/2004.

UBND quận Long Biên cung cấp trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ gia đình bà Ngô Thị To là đúng trình tự thủ tục.

Tại hồ sơ xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện: Nguồn gốc đất là của bố mẹ cụ To để lại cho cụ To từ năm 1966. Mặc dù đất cấp cho hộ gia đình cụ Ngô Thị To nhưng tại biên bản xác minh tại UBND phường Thượng Thanh thể hiện: Để xác định những ai là người được hưởng quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận hộ gia đình bà To là rất khó vì vì thời điểm cấp giấy làm theo mẫu chung do vậy xác định đây là tài sản của cụ To

được bố mẹ cho từ năm 1966. Cụ Hoàng Ngọc Á xây dựng gia đình với cụ To từ năm nào các đương sự không ai nhớ rõ nhưng các đương sự đều xác định hai cụ lấy nhau và sinh ông K là người đầu tiên. Do vậy hôn nhân của hai cụ được xác định bởi luật hôn nhân gia đình năm 1959. Năm 1976 cụ Á mất. Đến năm 2004 thì cụ To mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy xác định đây là tài sản riêng của cụ To.

Ngày 6/9/2006, cụ To có lập di chúc. Xét di chúc lập ngày 06/9/2006 của cụ Ngô Thị To có xác nhận của UBND phường Thượng Thanh. Hình thức và nội dung đều phù hợp với Điều 652, 653 và 658 Bộ luật dân sự năm 2005. Nên di sản thừa kế của cụ To được chia theo di chúc.

Xác định di sản của cụ To gồm: 01 nhà 3 gian trên diện tích đất là 142,5m<sup>2</sup> tại tổ 23 phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. Theo biên bản định giá ngày 31 tháng 8 năm 2020 thì: 01 nhà DT 38,9m<sup>2</sup> trị giá 9.822.250 đồng; 142,5m<sup>2</sup> đất x 33.000.000 đồng/1m<sup>2</sup> = 4.702.500.000 đồng. Tổng trị giá là: 4.712.322.250 đồng. Do cụ To chỉ lập di chúc phần đất còn nhà cụ To không định đoạt. Tại phiên Tòa các đương sự đều xác định nếu di sản được chia theo di chúc thì nhà của cụ To xây dựng trên đất không đề nghị xem xét giải quyết, trên đất được chia theo di chúc chia cho bên nào thì bên đó được quyền sử dụng. Như vậy phần di sản của cụ To là 142,5m<sup>2</sup> đất được chia theo di chúc. Cụ thể:

Ông Hoàng Ngọc T được quyền sử dụng 92,4m<sup>2</sup> x 33.000.000 đồng/1m<sup>2</sup> = 3.049.200.000 đồng.

Ông Hoàng Ngọc T, ông Hoàng Ngọc K, bà Hoàng Thị Thu Hà, bà Hoàng Thị Thu Ho và bà Hoàng Thị Thu Hu được quyền sử dụng chung 50,1m<sup>2</sup> làm nơi thờ cúng trị giá: 50,1m<sup>2</sup> x 33.000.000 đồng/1m<sup>2</sup> = 1.653.300.000 đồng.

Chia bằng hiện vật:

Vị trí mốc giới 50,1m<sup>2</sup> được thể hiện như sau:

Phía giáp đường đi có độ dài 3,9m

Phía giáp phần đất chia cho ông T có độ dài 12,80m

Phía giáp phần đất nhà bà Hồi có độ dài 12,82m

Phía sau giáp phần đất nhà ông Thọ có độ dài 3,90m

Vị trí mốc giới 92,4 được thể hiện như sau:

Phía giáp đường đi có độ dài 7,71m

Phía giáp phần đất chia chung có độ dài 12,80m

Phía giáp phần đất nhà bà Hà có độ dài 12,28m

Phía sau giáp nhà bà Đan có độ dài 7,03m

Tài sản là nhà của cụ To trên phần đất của bên nào thì bên đó được quyền sử dụng.

Đối với các công trình do vợ chồng ông T và ông K xây dựng trên đất. Các đương sự đề nghị xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. HĐXX thấy: Trên đất có các công trình xây dựng của vợ chồng ông T gồm: 01 nhà DT 24,4m<sup>2</sup> trị giá 12.365.920 đồng; 01 sân 25m<sup>2</sup> trị giá 1.000.000 đồng; 01 nhà tạm 10,5m<sup>2</sup> trị giá 3.991.050 đồng; 01 sân 5,5m<sup>2</sup> trị giá 200.000 đồng. Phần nhà ông K xây gồm: 02 nhà tổng diện tích là 25,5m<sup>2</sup> trị giá 22.615.950 đồng ( 01 nhà 15,0m<sup>2</sup> trị giá 13.303.500 đồng và 01 nhà 20,5m<sup>2</sup> trị giá 18.181.450 đồng). Vợ chồng ông T có khai cũng có công xây dựng vào nhà này nên xác định đây là tài sản chung của ông K và vợ chồng ông T. Mỗi người ½. Ông K đề nghị nếu trị

giá nhà của ông xây dựng đối trừ với phần tài sản được chia trên đất làm nơi thờ cúng sử dụng chung ông sẽ tự nguyện thanh toán trả cho cả bà Hà, bà Ho và bà Hu. Nếu thừa thì thôi còn nếu thiếu thì ông sẽ có trách nhiệm thanh toán trả cho vợ chồng ông T bà Ph.

Như vậy: Phần đất làm nơi thờ cúng sử dụng chung có 01 nhà tạm 10.5m<sup>2</sup> trị giá 3.991.050 đồng; và 01 sân 5.5m<sup>2</sup> trị giá 200.000 đồng là tài sản của vợ chồng ông T bà Ph và 01 nhà 15.0m<sup>2</sup> trị giá 13.303.500 đồng là tài sản của vợ chồng ông T và ông K. Mỗi bên có 6.651.750 đồng. Tổng cộng giá trị trên 50.1m<sup>2</sup> đất là 17.494.550 đồng. Do chia trên đất là sử dụng chung nên mỗi người phải chịu trách nhiệm là: 3.498.910 đồng. Vợ chồng ông T có 10.842.800 đồng; ông K có 6.651.750 đồng. Bà Hà, bà Ho và bà Hu phải thanh toán trả cho vợ chồng ông T là 7.343.890 đồng và thanh toán trả cho ông K là 3.152.840 đồng.

Phần đất ông T được chia theo di chúc có 01 nhà 20,5m<sup>2</sup> trị giá 18.181.450 đồng là tài sản chung của vợ chồng ông T và ông K mỗi bên có 9.090.725 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông K sẽ có trách nhiệm thanh toán cho cả bà Hà, bà Hu và bà Ho nếu thiếu thì trả còn nếu thừa thì không yêu cầu. Như vậy: phần nhà trị giá 9.090.725 đồng chia cho ông T sở hữu. Đối trừ nghĩa vụ của bà Hà, bà Ho và bà Hu phải thanh toán trả cho vợ chồng ông T là 9.090.725 đồng - 7.343.890 đồng = 1.746.835 đồng. Ông K không yêu cầu không phải thanh toán nếu thừa do vậy không cần buộc ông T phải thanh toán trả cho ông K số tiền trên.

Các đương sự phải tự mở lối đi riêng.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập hồ sơ địa chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới theo quyết định của Tòa án.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông T. HĐXX thấy: Theo quy định tại Điều 5, khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, khoản 3 Điều 200, khoản 2 Điều 210, Điều 243 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì: Tòa án chấp nhận việc nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện nếu việc thay đổi, bổ sung được thực hiện trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp và sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì Tòa án chỉ chấp nhận việc đương sự thay đổi yêu cầu khởi kiện nếu việc thay đổi yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Như vậy yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông T không được chấp nhận chia trong vụ án này. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác nếu pháp luật quy định họ có quyền khởi kiện.

Nhận định của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận.

Ý kiến của luật sư đề nghị giao phần đất là di sản thừa kế cho ông T quản lý là chưa phù hợp với nhận định của HĐXX nên không được chấp nhận phần đề nghị này.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 3, điều 26, điều 35, khoản 1 điều 147, điều 227, điều 228, điều 235, điều 264, điều 266, điều 271, điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 646, 647, 648, 649, 650, 652, 653, 658, 667 và 670 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Luật thi hành án dân sự. Luật thi hành án dân sự

Xử:

Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của ông Hoàng Ngọc T.

Xác nhận cụ Hoàng Ngọc Á và cụ Ngô Thị To có 05 người con chung ông Hoàng Ngọc K, bà Hoàng Thị Thu Hu, bà Hoàng Thị Thu H, bà Hoàng Thị Thu Ho và ông Hoàng Ngọc T.

Xác định 142,5m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 127(1) tờ bản đồ số 2 tại Tổ 23 phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 253667 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 309/QSDD/QDD1845 ngày 2/12/2004 mang tên hộ gia đình bà Ngô Thị To trị giá 142.5m<sup>2</sup> x 33.000.000 đồng/1m<sup>2</sup> = 4.702.500.000 đồng là tài sản riêng của cụ To.

Di sản của cụ Ngô Thị To được chia theo di chúc.

- Ông Hoàng Ngọc K, bà Hoàng Thị Thu Hu, bà Hoàng Thị Thu H, bà Hoàng Thị Thu Ho và ông Hoàng Văn Tiền được quyền sử dụng 50,1m<sup>2</sup> đất trên đất có 01 nhà tạm 10.5m<sup>2</sup> trị giá 3.991.050 đồng; 01 sân 5.5m<sup>2</sup> trị giá 200.000 đồng và 01 nhà 15.0m<sup>2</sup> trị giá 13.303.500 đồng tại thửa đất số 127(1) tờ bản đồ số 2 tại Tổ 23 phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Xác nhận 50,1m<sup>2</sup> đất có trị giá 1.653.300.000 đồng là di sản thờ cúng. Giao 50,1m<sup>2</sup> đất này cho ông Hoàng Ngọc K quản lý làm di sản thờ cúng.

Chia bằng hiện vật: Vị trí mốc giới 50.1m<sup>2</sup> đất được thể hiện như sau:

Phía giáp đường đi từ 1 đến 2 có độ dài 3,9m

Phía giáp phần đất chia cho ông T từ 2 đến 5 có độ dài 12,80m

Phía giáp phần đất nhà bà Hồi từ 1 đến 6 có độ dài 12,82m

Phía sau giáp phần đất nhà ông Thọ từ 5 đến 6 có độ dài 3,90m

- Ông Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Ph được quyền sử dụng 01 nhà 20,5m<sup>2</sup> trị giá 18.181.450 đồng và các công trình xây dựng khác được xây dựng trên 92,4m<sup>2</sup> đất. Xác nhận 92,4m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 127(1) tờ bản đồ số 2 tại Tổ 23 phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng của ông Hoàng Ngọc T được hưởng theo di chúc trị giá = 3.049.200.000 đồng.

Chia bằng hiện vật: Vị trí mốc giới 92,4 đất được thể hiện như sau:

Phía giáp đường đi từ 2 đến 3 có độ dài 7,71m

Phía giáp phần đất chia chung từ 2 đến 5 có độ dài 12,80m

Phía giáp phần đất nhà bà Hà từ 3 đến 4 có độ dài 12,28m

Phía sau giáp nhà bà Đan từ 4 đến 5 có độ dài 7.03m

Phần nhà là di sản của cụ To trên phần đất của bên nào thì bên đó được quyền sử dụng.

Các đương sự phải tự mở lối đi riêng.

(có sơ đồ kèm theo).

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập hồ sơ địa chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới theo đúng quyết định này.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.



Về án phí: Ông Hoàng Ngọc K, bà Hoàng Thị Thu Hu, bà Hoàng Thị Thu H, bà Hoàng Thị Thu Ho và ông Hoàng Văn Tiền mỗi người phải chịu 7.924.730 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hoàng Ngọc T phải chịu 73.078.350 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tổng cộng ông Hoàng Ngọc T phải chịu 81.003.079 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông T đã nộp 16.718.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2018/0015879 ngày 03/01/2020. Nay còn phải nộp tiếp 64.285.079 đồng.

Tr- ờng hợp bản án đ- ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi gửi:**

- Các đương sự;
- Tòa án ND TP Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- THADS quận Long Biên;
- Lưu TA.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Thu Nga**